

CÁC NHÂN TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG TỚI KẾT QUẢ BÀI THI NGHE CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Huyền Trang, Bùi Thị Thúy Nga
Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm tìm hiểu thái độ và cảm xúc của sinh viên năm nhất trường Đại học Hàng hải Việt Nam (VIMARU) đối với bài kiểm tra nghe, cũng như những khó khăn ảnh hưởng đến khả năng nghe của họ. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được sử dụng, kết hợp giữa bảng câu hỏi, phỏng vấn bán cấu trúc và quan sát. 50 sinh viên đã được khảo sát để thu thập dữ liệu đáng tin cậy cho nghiên cứu. Kết quả cho thấy sinh viên năm nhất có nhiều cảm xúc khác nhau và phần lớn cảm thấy lo sợ đối với bài kiểm tra nghe. Những thách thức được phát hiện bao gồm cả yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Từ khóa: Khả năng nghe của sinh viên năm nhất, khó khăn trong kỹ năng nghe, yếu tố ngôn ngữ, yếu tố phi ngôn ngữ.

MAJOR FACTORS AFFECTING THE FRESHMEN'S PERFORMANCE ON LISTENING TESTS AT VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

Nguyen Thi Huyen Trang, Bui Thi Thuy Nga
Faculty of Foreign Study, Vietnam Maritime University

Abstract: The study intends to find out the attitude and feeling of Vimar freshmen in taking the listening test as well as the difficulties affecting their listening performance. The mixed-method approach was used with the combination of questionnaires, semi-structure interview and observation. 50 students were surveyed in order to get the reliable data for the study. The results reveal that the first-year students encountered different feelings and were mostly afraid of the listening test. The challenges were dicovered including linguistic and non-linguistic factors.

Keywords: Freshmen's listeing performance, listening difficulties, linguistics factors, non-lingustics factors

Nhận bài: 13/04/2025

Phản biện: 11/05/2025

Duyệt đăng: 16/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Không nghi ngờ gì rằng trong bốn kỹ năng cơ bản của tiếng Anh, kỹ năng nghe luôn được coi là kỹ năng ngôn ngữ then chốt và đóng vai trò thiết yếu trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ. Tuy nhiên, chính kỹ năng nghe lại là nỗi ám ảnh đối với người học tiếng Anh do mức độ khó khăn của nó. Qua quan sát ban đầu, tôi nhận thấy rằng học sinh thường đạt điểm thấp hơn trong bài kiểm tra nghe so với các bài kiểm tra kỹ năng khác. Bên cạnh đó, là một giảng viên tiếng Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam (Vimar), qua kinh nghiệm giảng dạy, tôi nhận thấy sinh viên của mình thường sợ kỹ năng nghe hơn các kỹ năng khác. Đặc biệt là sinh viên năm nhất, họ thấy kỹ năng nghe nhàm chán và gây căng thẳng, trong khi lại phải tham gia kỳ thi cuối kỳ có nghe hiểu. Do đó, nhiều sinh viên có kết quả kém trong môn tiếng Anh, mà kỹ năng nghe thường là nguyên nhân chính bị đổ lỗi.

Về khái niệm nghe hiểu, Gary Buck (2001) cho rằng nghe hiểu là một quá trình chủ động xây dựng ý nghĩa bằng cách áp dụng kiến thức vào âm thanh nhận được, trong đó nhiều loại kiến thức khác nhau được sử dụng, bao gồm cả kiến thức ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Theo một số tác giả, những yếu tố gây khó khăn trong kỹ năng nghe gồm 7 vấn đề: không kiểm soát được tốc độ nói của người nói, không

thể yêu cầu lặp lại, vốn từ vựng hạn chế, không nhận biết được tín hiệu ngữ nghĩa, khó khăn trong diễn giải, không thể tập trung, và thiếu thói quen học tập (Underwood, 1989). Ngắn gọn hơn, Anderson và Lynch (1998) đề cập đến hai nhóm vấn đề: vấn đề về nền tảng kiến thức và vấn đề ngôn ngữ. Họ cho rằng, khoảng trống trong hiểu biết về văn hóa của ngôn ngữ thứ hai và các liên tưởng sẵn có với người bản ngữ có thể cản trở quá trình hiểu. Trong khi đó, Duzer (1997) đề xuất các yếu tố gồm người nghe, người nói, nội dung, và hỗ trợ hình ảnh. Dựa trên các lý thuyết từ nhiều tác giả với các quan điểm tương đối giống nhau, tôi phân loại các yếu tố thành hai nhóm chính: yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Trong đó, yếu tố ngôn ngữ gồm âm thanh và phát âm, trọng âm và ngữ điệu, tốc độ nói, cú pháp và từ vựng, ngôn ngữ không trang trọng, và giọng địa phương; còn yếu tố phi ngôn ngữ bao gồm mặt môi, nền tảng người nghe, năng lực người nghe, thông điệp, và môi trường vật lý.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu kết hợp phương pháp định lượng và định tính đã được sử dụng, bao gồm bảng hỏi, quan sát, và phỏng vấn bán cấu trúc. Theo Cohen et al. (2000), sự kết hợp này giúp nhà nghiên cứu tự tin hơn với kết quả, đồng thời tăng chiều sâu

và chất lượng thông tin (Verma & Mallick, 1999).

Đối tượng nghiên cứu gồm 50 sinh viên năm nhất trong học kỳ một năm học 2024-2025 tại trường Đại học Hàng hải Việt Nam được chọn ngẫu nhiên để tham gia nghiên cứu. Họ có trình độ khác nhau và thái độ, sở thích khác nhau đối với kỹ năng nghe. Dù số lượng đối tượng có hạn, nhưng tác giả tin rằng 17 % mẫu (50 trong số hơn 300 sinh viên năm nhất) có thể phân nào đại diện cho toàn bộ nhóm, do đó tính tin cậy và giá trị của nghiên cứu vẫn có thể đạt được. Ngoài các sinh viên khảo sát, còn có 4 sinh viên khác với kết quả học tập tiếng Anh gần đây khác nhau được chọn để tham gia phỏng vấn bán cấu trúc.

Về phương pháp thu thập dữ liệu, nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi khảo sát. Đây là phương pháp thu thập dữ liệu phổ biến theo Nunan (1992), và nó vô cùng hiệu quả về thời gian, công sức và chi phí (Nguyễn et al., 2007). Bộ câu hỏi hỏi gồm ba phần, có cả câu hỏi đóng và mở, dưới dạng trắc nghiệm, đánh dấu, v.v.

Bên cạnh đó, phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện khi người phỏng vấn có định hướng chung về nội dung và mục tiêu của cuộc phỏng vấn (Nunan, 1992). Các cuộc phỏng vấn này được tiến hành riêng biệt bằng tiếng Việt để tạo không khí cởi mở, khuyến khích người trả lời chia sẻ suy nghĩ và thái độ.

Ngoài ra, nghiên cứu cũng sử dụng thêm việc quan sát thực tế. Việc quan sát được thực hiện tại phòng thi để tìm ra các yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng nghe của sinh viên. Quan sát diễn ra trong suốt ngày 04 tháng 01 năm 2025 khi tất cả sinh viên năm nhất thi cuối kỳ môn Nghe hiểu. Các ghi chú được ghi lại để phục vụ cho quá trình phân tích.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thái độ và cảm xúc của sinh viên khi làm bài nghe hiểu

Hầu hết sinh viên đều sợ kỹ năng nghe; 30% chọn “rất khó”, 54% chọn “khó”. Đáng ngạc nhiên, 16% sinh viên cho rằng nghe “không khó cũng không dễ”. Tuy nhiên, 30% sinh viên không xác định rõ cảm xúc của mình khi làm bài nghe, chọn “cảm xúc khác”. Các lý do đưa ra là: “khó hiểu”, “không chắc chắn câu trả lời”, “không nghe được”.

Cảm giác “căng thẳng”, “lo lắng”, “sợ hãi”, “không thể tập trung” và các cảm xúc khác xuất hiện khi những người tham gia khảo sát làm bài kiểm tra nghe. Trong số các cảm xúc này, “căng thẳng” chiếm 36%, tiếp theo là “lo lắng” với 14%, “sợ hãi” với 10% và “không thể tập trung” cũng

với 10%. Đây là những cảm xúc bình thường khi sinh viên coi kỹ năng nghe là một trở ngại, và tất nhiên, những cảm xúc này có thể ảnh hưởng đến kết quả nghe của họ. Tuy nhiên, nhiều sinh viên (30%) không thể xác định rõ cảm xúc của mình khi làm bài nghe, nên họ chọn “các cảm xúc khác” khi được hỏi. Đối với hiện tượng này, các sinh viên khác nhau có những lý do khác nhau. Chúng dao động từ “khó hiểu”, “không chắc chắn về câu trả lời” cho đến “không thể nghe được”. Đáng chú ý, một người được phỏng vấn chia sẻ rằng bạn ấy cảm thấy buồn ngủ vì “âm thanh đơn điệu từ băng ghi âm”.

Nhìn chung, sinh viên gặp phải nhiều cảm xúc khác nhau khi làm bài nghe. Những cảm xúc này thường xuất hiện khi họ sợ kỹ năng nghe hoặc thiếu tự tin khi làm bài. Tuy nhiên, nếu họ không giữ được tinh thần thoải mái, điều đó có thể ảnh hưởng đến kết quả nghe của họ.

2.2.2. Các yếu tố gây khó khăn trong bài kiểm tra nghe

Như đã đề cập, có nhiều khó khăn mà sinh viên gặp phải trong khi làm bài nghe, tuy nhiên, không phải sinh viên nào cũng gặp tất cả những khó khăn này, và mức độ ảnh hưởng cũng khác nhau giữa các nhóm (Underwood, 1989).

Đáng chú ý, yếu tố ngôn ngữ ảnh hưởng mạnh hơn yếu tố phi ngôn ngữ. Cụ thể, 84% sinh viên gặp khó khăn với phát âm của người nói, đây là yếu tố gây khó khăn cao nhất. Tiếp theo là tốc độ nói quá nhanh (78%) và từ vựng, cấu trúc mới (74%). Ngoài ra, 54% và 52% sinh viên cho rằng các chủ đề lạ và thiếu kiến thức nền cũng khiến họ nghe không hiệu quả.

Các yếu tố khác cũng được coi là nguyên nhân gây ra sự trở ngại khi làm bài nghe, cụ thể như sau:

- Trọng âm và ngữ điệu của người nói (38%)
- Phòng thi đông và rộng (18%)
- Thiết bị nghe kém (10%)
- Tiếng ồn (18%)
- Tâm trạng và sức khỏe cá nhân (22%)

2.2.2.1. Các yếu tố ngôn ngữ gây khó khăn trong bài kiểm tra nghe

Phần lớn sinh viên cho rằng phát âm là trở ngại lớn khi làm bài nghe, do đó giáo viên nên hỗ trợ học sinh cải thiện kỹ năng này. Từ vựng và cấu trúc mới cũng gây khó khăn đáng kể, với 66% sinh viên đồng ý rằng quá nhiều từ mới khiến họ không hiểu bài nghe. Điều này cho thấy nhu cầu cần nâng cao vốn từ và cấu trúc thông qua quá trình tự học và được giáo viên hỗ trợ. Tốc độ nói của người nói là một thử thách khác, với 92% sinh viên thừa nhận điều này ảnh hưởng đến khả năng

nghe hiểu của họ. Ngược lại, một số ít cho rằng tốc độ không phải vấn đề lớn. Về ngữ điệu, ý kiến sinh viên chia sẻ: 30% cho rằng không ảnh hưởng, 40% cho rằng có ảnh hưởng, còn lại không chắc chắn. Tuy nhiên, ngữ điệu thực sự có thể làm thay đổi nghĩa câu nói.

2.2.2.2. Các yếu tố phi ngôn ngữ gây khó khăn trong bài kiểm tra nghe

Bên cạnh các yếu tố ngôn ngữ, các yếu tố phi ngôn ngữ cũng được xem là những trở ngại khác đối với sinh viên khi nghe. Như có thể thấy từ bảng khảo sát, tất cả các ý kiến được đưa ra đều được hơn một nửa số người tham gia đồng ý. Trong số các vấn đề được nêu, 66% sinh viên (20% hoàn toàn đồng ý và 46% đồng ý) thừa nhận rằng họ gặp khó khăn khi nghe các chủ đề không quen thuộc. Ngoài vấn đề “phòng học lớn và đông”, tiếng ồn bên trong và bên ngoài cũng gây trở ngại cho 74% sinh viên (24% hoàn toàn đồng ý, 54% đồng ý), khác với câu hỏi trước chỉ có 18% chọn “tiếng ồn nền”. Tiếng ồn bao gồm “tiếng bước chân của giám thị, tiếng nói chuyện hoặc nghe điện thoại”. 26% không chắc chắn hoặc không gặp tình huống này, có thể do họ ngồi gần bảng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy tiếng ồn bên ngoài là vấn đề lớn, như tiếng từ phòng bên cạnh ảnh hưởng đến khả năng tập trung. 12% không chắc chắn và 20% thấy ổn.

III. KẾT LUẬN

Gần như tất cả sinh viên năm nhất gặp nhiều khó khăn khi thi nghe. Họ trải qua nhiều cảm xúc như lo lắng, căng thẳng, không thể tập trung, thậm chí là sợ hãi — ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả nghe.

Kết quả cho thấy yếu tố ngôn ngữ gây khó khăn hơn yếu tố phi ngôn ngữ. Đầu tiên là phát âm của người nói — không giống với cách sinh viên quen nghe. Từ vựng và cấu trúc mới cũng khiến sinh viên không hiểu được nội dung nghe. Cách diễn đạt không trang trọng đôi khi gây khó khăn ngay cả khi biết từ vựng. Tốc độ nói nhanh là yếu tố khiến sinh viên hoảng loạn và không kịp xử lý âm thanh, ảnh hưởng đến việc hiểu nội dung (Buck, 2001). Cuối

cùng, trọng âm và giọng nói vùng miền dù không gây khó khăn lớn như phát âm, nhưng cũng cản trở sự hiểu ngôn ngữ nói (Ur, 1984).

Dù không ảnh hưởng mạnh như yếu tố ngôn ngữ, phần lớn sinh viên vẫn công nhận ảnh hưởng của yếu tố phi ngôn ngữ. Ví dụ, thiếu kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề không quen thuộc là rào cản lớn (Anderson & Lynch, 1998). Ngoài ra, phòng học rộng, đông người, tiếng ồn từ phòng bên cũng khiến sinh viên không thể tập trung.

Do sinh viên sợ kỹ năng nghe và thiếu chiến lược làm bài, giáo viên cần hướng dẫn định dạng bài thi và chiến lược làm bài đồng thời giải quyết các khó khăn về ngôn ngữ trong khi nghe. Trước tiên, cần dạy phát âm một cách hiệu quả để sinh viên nghe đúng âm thanh. Việc luyện phát âm không cần kéo dài cả buổi, mà nên lồng ghép trong suốt quá trình học. Sau mỗi bài nghe, giáo viên có thể cung cấp băng phiên âm để luyện tập. Bên cạnh đó, cần mở rộng vốn từ và cấu trúc – nổi ám ảnh của sinh viên. Giáo viên nên cung cấp thêm từ và cụm từ theo chủ đề.

Để đối phó với tốc độ nói nhanh, sinh viên cần luyện nghe thường xuyên. Khi trình độ tiếng Anh tăng (phát âm chuẩn, vốn từ vựng phong phú), vấn đề tốc độ sẽ được giải quyết (Buck, 2001). Dù trọng âm và giọng nói ít ảnh hưởng hơn, giáo viên vẫn nên giới thiệu trước để sinh viên không bị bất ngờ. Không thể phủ nhận vai trò của giáo viên, nhưng sinh viên cũng phải nỗ lực. Họ cần tự học nghiêm túc, tìm tài liệu đáng tin cậy. Hiện nay có rất nhiều tài liệu hay cho sinh viên tham khảo.

Vì yếu tố phi ngôn ngữ như phòng thi rộng, đông người, và tiếng ồn từ phòng bên ảnh hưởng đến khả năng nghe, một số giải pháp được đề xuất như thi trong các phòng nhỏ với 20–25 sinh viên để đảm bảo vị trí nghe tốt; tất cả các phòng phát băng cùng lúc để tránh nhiễu âm; ngoài ra trang bị cửa sổ cách âm giữa các phòng. Mặc dù những giải pháp này tốn kém và khó thực hiện, nhưng vì lợi ích của sinh viên, chúng ta nên cố gắng thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, A., & Lynch, T. (1988). *Listening*. Oxford: Oxford University Press
- Buck, G. (2001). *Assessing Listening*. Cambridge: Cambridge University Press
- Cohen, L., Manion, L., & Morris, K. (2000). *Research Methods in Education (5th Ed.)*. London: Routledge Falmer.
- Duizer, V. (1997). *Improving ESL learner's listening skills*. Washington, DC: Center for Applied Linguistics
- Harmer, J. (1991). *The Practice of English Language Teaching*. London: Longman Group UK Ltd.
- Nguyen, T.T.M., Pham, M.T., & Luong, Q.T. (2007). *Research methodology*. Course book for Third-year Students. Hanoi: Vietnam National University Press.
- Nunan, D. (1992). *Research Methods in Language Learning*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Underwood, M. (1989). *Teaching Listening*. New York: Longman
- Ur, P. (1984). *Teaching Listening Comprehension*. Cambridge: Cambridge University Press
- Verma, G., & Mallick, K. (1999). *Research Tool in Education*. London: Falmer press.